

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY ĐỨC
TỈNH ĐẮK NÔNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST

Ngày 26 - 8 - 2022

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC - TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Quang Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Minh và ông Lưu Ngọc Khoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Điều Smi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Chung – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 22/2022/TLST- HNGĐ ngày 16/02/2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1964; địa chỉ: Tổ M, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng – có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Chị Triệu Thị Th, sinh năm 1982; địa chỉ: Bon B, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông – có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ông Nguyễn Văn Th trình bày: Ông Th và Chị Triệu Thị Th tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 26/7/2012 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng và không còn quan tâm đến nhau. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2013 và không còn chung sống với nhau. Hiện nay, Ông Th không còn tình cảm với Chị Th, nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Ông Th làm đơn yêu cầu Tòa án huyện T, tỉnh Đắk Nông giải quyết ly với Chị Th.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn Chị Triệu Thị Th trình bày: Chị Th và Ông Nguyễn Văn Th tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 26/7/2012 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng; vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng và không còn quan tâm đến nhau, hai vợ chồng đã sống ly thân. Hiện nay, Ông Th có đơn yêu cầu ly hôn với Chị Th thì Chị Th đồng ý.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tình trạng sức khỏe: Chị không trong thời kỳ đang mang thai.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức phát biểu ý kiến: Toà án nhân dân huyện Tuy Đức thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về người tham gia tố tụng và thu thập chứng cứ: Toà án xác định đúng người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đúng quy định, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án; căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng Điều 9, khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Văn Th.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Th ly hôn với Chị Triệu Thị Th.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn Th phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0002159 ngày 11/02/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết vào quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Văn Th khởi kiện yêu cầu ly hôn với Chị Triệu Thị Th; Chị Th đăng ký thường trú tại Bon B, xã

Q, huyện T đây là tranh chấp “*Ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ông Th, bị đơn Chị Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung: Xét yêu cầu ly hôn của Ông Th với Chị Th; Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngày 26/7/2012, Ông Nguyễn Văn Th và Chị Triệu Thị Th tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân giữa Ông Th và Chị Th là hợp pháp.

Xét tình trạng hôn nhân: Ông Th cho rằng, quá trình chung sống, do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và không tôn trọng nhau; Ông Th và Chị Th đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay; quá trình giải quyết vụ án Ông Th xác định không còn tình cảm với Chị Th. Đối với Chị Th, khi Ông Th nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, Chị Th cũng không có động thái nào để hàn gắn tình cảm, không còn mong muốn đoàn tụ. Với thực trạng hôn nhân nói trên cho thấy mâu thuẫn giữa Ông Th và Chị Th đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của Ông Th với Chị Th là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ pháp luật.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Th không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn Th phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0002159 ngày 11/02/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Nguyễn Văn Th.

1. Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Th ly hôn với Chị Triệu Thị Th.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn Th phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0002159 ngày 11/02/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện T;
- Chi Cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.
- Lưu, HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phan Quang Trung